



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03508**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Tuna fish soluble (Dịch cá ngừ)  
**Số lượng/ khối lượng** : 03 Flexitank/ 62.110 kg  
**Ngày sản xuất** : 6/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : General Tuna Corporation, Philippines  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : GTC 005-2025 ngày 21/01/2025  
Hóa đơn số : 0010453 ngày 04/7/2025  
Vận đơn số : ONEYGESF01317800  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 5511/HQ-GDK-TTKN ngày 22/7/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250037826)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH GIFA**  
Địa chỉ: 87 Đường Phan Đăng Lưu, phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT; Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 2245 /QĐ-TTKN  
Ngày 25 tháng 8 năm 2025



**Hà Thanh Tùng**



**BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH**

**1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)**

| Doanh nghiệp/<br>ngày mã hoá      | Mã mẫu           | Quy chuẩn áp dụng                                                   | Tên sản phẩm/ chỉ tiêu<br>phân tích                                                                                                                                          | Ghi chú                |
|-----------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH<br>Gifa<br>25/7/2025 | 0725423/<br>HQP2 | Số thứ tự 3, Mục I<br>phụ lục I QCVN<br>01-<br>190:2019/BNNPT<br>NT | <b>Tuna fish soluble (Dịch<br/>cá ngừ)</b><br>As tổng số (mg/kg)<br>Pb (mg/kg)<br>Cd (mg/kg)<br>Hg (mg/kg)<br>Ethoxyquin (mg/kg)<br>E. coli (CFU/g)<br>Salmonella (CFU/ 25 g | BNNPTNT2925<br>0037826 |

Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Nguyễn Thế Linh**

**2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm**

| Người thực hiện    | Đơn vị               | Thời gian ( ghi<br>rõ.... giờ,<br>ngày.../.../... | Phòng thí<br>nghiệm được<br>lựa chọn | Ghi chú |
|--------------------|----------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| Nguyễn Thế<br>Linh | Trung tâm Vùng<br>II | 17h30 ngày<br>25/7/2025                           | ASTAC                                |         |



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
ANALYTICAL REPORT  
Số/No.: 9892/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 280125071899

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/07/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 26/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725423/HQV2                           | Asen (As) tổng số                      | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,77               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 29/07/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.